| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>---------- | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***<br>---------- |
| Bản án số: 234/2019/DS-PT<br>Ngày: 13/8/2019<br>***V/v: Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*** | **NHÂN DANH**<br>**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI** |

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Như Lâm
Các thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng
Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Lưu Ly - Cán bộ Toà án nhân nhân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên

Trong ngày 13/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2019/TLPT - DS ngày 12/6/2019 về: "***Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".***

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Toà án nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 202/2019/QĐ-PT ngày 21/6/2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đình Đ; sinh năm; 1971; địa chỉ: Cụm 8, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình D; sinh năm: 1962; địa chỉ: Cụm 8, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1975; vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Chị Nguyễn Thị C; sinh năm: 1966; vắng mặt tại phiên tòa.

3.3.Cụ Khuất Thị T; sinh năm: 1933; vắng mặt tại phiên tòa.

3.4. Bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1952; vắng mặt tại phiên tòa.

3.5. Ông Nguyễn Đình T; sinh năm: 1957; vắng mặt tại phiên tòa.

3.6. Bà Nguyễn Thị D; sinh năm: 1959; vắng mặt tại phiên tòa.

3.7. Ông Nguyễn Đình N; sinh năm: 1964; vắng mặt tại phiên tòa.

3.8. Ông Nguyễn Đình T; sinh năm: 1969; vắng mặt tại phiên tòa.

3.9. Anh Nguyễn Đức A; sinh năm: 1998; vắng mặt tại phiên tòa.

3.10. Cháu Nguyễn Ngọc Khánh L; sinh ngày 03/7/2003; vắng mặt tại phiên tòa.

Chị T, chị C, cụ T, ông T, ông T1, ông N, bà Dung, bà N, cháu L, anh Đức A cùng địa chỉ: Cụm 8, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu L có anh Nguyễn Đình Đ và chị

Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ; anh Đ có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh Đức A là anh Nguyễn Đình Đ; theo văn bản ủy quyền ngày 25/7/2018; anh Đ có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo anh Nguyễn Đình Đ là Nguyên đơn.

**NHẬN THẤY :**

**Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:**

***** Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, anh Nguyễn Đình Đ trình bày như sau: Nguồn gốc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m$^2$; địa chỉ thửa đất: Cụm 8, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội là của bố anh là cụ Nguyễn Đình Tấn và mẹ là cụ Khuất Thị T, đây là đất giãn dân tiêu chuẩn được Nhà nước cấp cho gia đình chính sách và đông con. Năm 1994, cụ Tấn bán mảnh đất mặt đường Quốc lộ 32 để lấy tiền xây hai ngôi nhà trên thửa đất giãn dân đó và giao cho anh và anh Nguyễn Đình D mỗi người quản lí sử dụng một ngôi nhà. Năm 2003, bố mẹ anh có tặng cho vợ chồng anh thửa đất trên. Đến năm 2004, Ủy ban nhân dân huyện PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho hộ gia đình anh mang tên ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị T. Do nhà của anh Nguyễn Đình D nằm trên diện tích 27m$^2$ đất mà bố mẹ đã cho anh nên đến năm 2006, anh và vợ là chị Nguyễn Thị T viết giấy tặng cho anh D 27m$^2$ đất trên, nhưng chưa làm thủ tục sang tên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nay anh đề nghị anh D trả lại diện tích 27m$^2$ đất đó.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đình D trình bày như sau: Về nguồn gốc thửa đất cấp cho anh Đ, chị T là của bố anh là cụ Nguyễn Đình Tấn và mẹ là cụ Khuất Thị T là đất giãn dân. Năm 1994, bố anh bán mảnh đất ở mặt đường Quốc Lộ 32 để xây 02 ngôi nhà trên thửa đất giãn dân, đây là đất Nhà nước cấp cho gia đình chính sách. Sau đó bố mẹ ở riêng một nhà, còn một nhà thì vợ chồng anh và chị Chiến cùng hai con ở. Năm 1994 anh Đ đi bộ đội, sau khi hết nghĩa vụ Quân sự thì về nhà sinh sống và ở cùng cụ Tấn, cụ T. Năm 1996 anh Đ lấy chị T, vợ chồng anh Đ ở cùng với bố mẹ được mấy năm, sau đó ra ở riêng; cụ Tấn, cụ T ở một bên; vợ chồng anh Đ ở một bên; tất cả đều nằm trong thửa đất 160m$^2$ mà Nhà nước cấp cho. Năm 2005, anh mua một Ki ốt ở ngoài chợ khoảng hơn 30m$^2$ để cụ Tấn, cụ T ra ngoài đó ở. Năm 2012 do sức khỏe các cụ yếu nên anh đã đón bố mẹ về ở tại ngôi nhà mà anh Đ đang đòi. Về sau cụ Tấn, cụ T yếu quá nên anh đưa về nhà anh Tuấn là em trai anh để ở. Năm 2016, cụ Tấn chết, anh Tâm là con cả đã đưa bố về nhà anh Tâm để lo ma chay, sau đó cụ T cũng ở luôn với anh Tâm từ đó cho đến nay. Năm 2004 khi anh Đ và chị T làm thủ tục để Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nói trên thì anh không biết, không được thông báo, mặc dù anh đã ở trên thửa đất đó từ năm 1994. Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Đ được cấp có cả diện tích của nhà anh; nên năm 2006, anh Đ, chị T viết giấy tặng cho anh phần đất nằm dưới ngôi nhà mà anh đang ở là 27m$^2$. Nay anh Đ yêu cầu trả lại 27m$^2$ đất đó, anh không đồng ý. Do đất đó là đất thừa kế, gia đình anh đã sống trên thửa đất đó từ năm 1994; anh Đ, chị T làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình anh không

được biết, do đó anh đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp sai cho hộ anh Đ, chị T.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Đình N, ông Nguyễn Đình T trình bày: Việc anh Đ, chị T cho rằng năm 2003 cụ Tấn và cụ T là bố mẹ các ông bà có tặng cho hay không tặng cho anh Đ, chị T thửa đất mà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đ, chị T thì tất cả các ông bà đều không biết có cho hay không, nội dung cụ thể thì cũng không biết. Năm 2004 anh Đ, chị T làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 18, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m$^2$ tại cụm 8 thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; thời gian đấy anh Đ, chị T tự đi làm thủ tục, tất cả các ông bà không được thông báo và đều không biết. Năm 2006 anh Đ, chị T tặng cho anh D 27m$^2$ đất, hai bên tự làm với nhau, tất cả cũng không biết. Nay anh Đ khởi kiện anh D, quan điểm của các ông bà là đề nghị giải quyết vụ án theo pháp luật và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Cụ Khuất Thị T trình bày: Do tuổi cao, không nhớ được những chuyện xảy ra đã lâu, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2003, bố mẹ chồng chị có tặng cho vợ chồng thửa đất trên. Đến năm 2004, Ủy ban nhân dân huyện PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho gia đình. Năm 2006 theo đề nghị của anh Nguyễn Đình D, vợ chồng chị có viết giấy tặng cho anh D 27m$^2$đất trong thửa đất mà bố mẹ đã cho vợ chồng. Sau đó bố mẹ chồng biết việc tặng cho và không đồng ý nên vợ chồng chị không làm thủ tục tiếp theo để anh Nguyễn Đình D sở hữu số đất trên nữa. Về sau chị cũng muốn làm các thủ tục để tách thửa đất cho anh D, nhưng anh Đ không đồng ý. Bản thân chị mong muốn anh em hòa giải để giữ được tình cảm.

Chị Nguyễn Thị C trình bày: Thửa đất trên là đất giãn dân của bố mẹ chồng chị là cụ Tấn và cụ T. Năm 1993, bố mẹ chồng chị xây cho anh Đ, anh D mỗi người một căn nhà trên thửa đất đó. Nhà hiện nay anh Đ, anh D đang ở vẫn giữ nguyên hiện trạng từ năm 1993. Việc anh Đ, chị T đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng chị không được biết. Năm 2006, anh Đ, chị T viết giấy tặng cho anh D 27m$^2$ đất là không đúng vì anh Đ, chị T không có quyền sử dụng diện tích đất này. Các con của anh chị hiện nay không ở trên nhà đất đang tranh chấp, nên không có liên quan trong vụ việc này.

* Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện PT cung cấp như sau: Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ tại kho lưu trữ; Văn phòng chỉ còn lưu giữ Quyết định số: 581/QĐ/UB ngày 30/9/2004 của Uỷ ban nhân dân huyện PT đã cung cấp cho Tòa án, ngoài ra không còn giấy tờ liên quan nào khác trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đạt, bà Thức.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 24/5/20019 của Tòa án nhân dân huyện PT đã xử và quyết định:*

* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình Đ đòi anh Nguyễn Đình D trả lại 27m$^2$ đất tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 diện tích 160m$^2$, địa chỉ thửa đất cụm 8, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/5/2019, anh Nguyễn Đình Đ làm đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét các vấn đề sau:

1. Xem xét lại bản án đã tuyên của Tòa án nhân dân huyện PT ngày 25 tháng 4 năm 2019.

2. Thẩm định lại diện tích tôi được cấp giấy quyền sử dụng đất ở vì theo hồ sơ Tòa án PT số diện tích tôi thiếu là 32 m$^2$ nhưng thực tế diện tích của tôi thiếu là 55 m$^2$.

3. Yêu cầu gia đình anh Nguyễn Đình D trả lại số diện tích đất ở mà nó thuộc quyền sở hữu của tôi mà diện tích đất này đã được nhà nước cấp giấy quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa hôm nay

Nguyên đơn là anh Nguyễn Đình Đ trình bày anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các nội dung kháng cáo.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình D trình bày anh không đồng ý với nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Đình Đ, anh giữ nguyên các ý kiến mà anh đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự ủy quyền của cháu Nguyễn Khánh L cho anh Nguyễn Đình Đ là bố đẻ theo văn bản ủy quyền lập ngày 25/7/2018; tại phiên tòa ngày hôn nay anh Đ trình bày cháu Nguyễn Khánh L là người ở trên đất đang có tranh chấp hiện là học sinh đang đi học lớp 11, sống phụ thuộc vào gia đình không có thu nhập riêng nên theo quy định tại Điều 21 và Điều 136 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì anh Nguyễn Đình Đ là bố đẻ và chị Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Khánh L là người đại diện theo pháp luật của cháu L. Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần đầu án sơ thẩm theo hướng phân tích ở trên.

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh Nguyễn Đình Đ đã nộp trong hạn luật định nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

[2] **Về nội dung: xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đình Đ**

2.1. Xét yêu cầu xem xét lại bản án đã tuyên của Tòa án nhân dân huyện PT ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Về nguồn gốc thửa đất các đương sự có tranh chấp nguyên đơn và bị đơn đều công nhận nguồn gốc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 44, diện tích 160m$^2$; địa chỉ thửa đất: Cụm 8, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội là của cụ Nguyễn Đình Tấn và cụ Khuất Thị T, đây là đất giãn dân được Nhà nước cấp. Năm 1994 các cụ xây hai ngôi nhà trên thửa đất trên, sau đó cụ Tấn, cụ T ở riêng một nhà, còn một nhà thì vợ chồng anh D và chị Chiển ở. Đến năm 1996 anh Đ lấy chị T, vợ chồng anh Đ ở cùng với bố mẹ được mấy năm, sau đó ra ở riêng; cụ Tấn, cụ T ở một bên; vợ chồng anh Đ ở một bên; tất cả đều nằm trong thửa đất 160m$^2$ được Nhà nước cấp.

Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ, chị T cho rằng năm 2003 bố mẹ anh có tặng cho vợ chồng anh thửa đất trên. Đến năm 2004, Ủy ban nhân dân huyện PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình anh mang tên ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị T. Anh Nguyễn Đình Đ trình bày bố mẹ tặng cho nhưng anh Đ không có căn cứ gì để chứng minh cho việc có sự tặng cho của bố mẹ ngoài những lời trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Mặt khác trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có giấy tặng cho lưu giữ tại hồ sơ. Hơn thế nữa khi anh Đ đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tất cả các anh chị em của anh Đ đều không ai biết. Do vậy quá trình làm các thủ tục và việc xét duyệt, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ anh Nguyễn Đình Đ và chị Nguyễn Thị T là không phù hợp với trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quy định trong Luật đất đai năm 2003. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ngày 30/10/2018 anh Nguyễn Đình D có đơn yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ anh Nguyễn Đình Đ và chị Nguyễn Thị T, Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo nộp tiên tạm ứng án phí và thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố; ngày 06/3/2019, anh Nguyễn Đình D có đơn đề nghị Tòa án rút đơn yêu cầu phản tố, khi nào có yêu cầu thì thì anh D sẽ làm đơn đề nghị sau giải quyết bằng vụ án khác; việc rút yêu cầu của anh D là phù hợp nên cấp sơ thẩm chấp nhận, không xem xét và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh D là có căn cứ nhưng Hội đồng xét xử xem xét cần phải đình chỉ yêu cầu phản tố của anh D và trả lại anh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy khi nào các đương sự có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ anh Nguyễn Đình Đ và chị Nguyễn Thị T thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình Đ với anh Nguyễn Đình D về việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh Đ, chị T và anh D Hội đồng xét xử xét

thấy trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh Đ, chị T cho rằng do nhà của anh Nguyễn Đình D nằm trên diện tích 27m$^2$ đất mà bố mẹ đã cho anh chị nên đến năm 2006 vợ chồng đã viết giấy tặng cho anh D 27m$^2$ đất trên, sau đó bố mẹ là cụ Tấn, cụ T biết việc tặng cho và không đồng ý nên vợ chồng anh chị không làm thủ tục tiếp theo để anh Nguyễn Đình D sử dụng diện tích đất trên nữa. Nay do anh em mâu thuẫn nên anh đề nghị anh D trả lại diện tích 27m$^2$ đất. Theo quy định tại các Điều Điều 722, Điều 723, Điều 724, Điều 725, Điều 726 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hợp đồng tặng cho tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, còn bên được tặng cho đồng ý nhận. Theo các quy định này Hội đồng xét xử xét thấy anh D đã ở nhà đất từ năm 1994 do bố xây dựng, năm 2004 anh Đ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất được cấp lại sang diện tích nhà đất mà anh D đang sử dụng, khi đó anh D không biết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đ, các hộ liền kề không ký xác định mốc giới. Mặt khác việc cấp Giấy chứng nhận là chưa đúng thủ tục, vì vậy chưa thể khẳng định diện tích đất là thuộc quyền sử dụng của anh Đ, chị T. Anh Đ, chị T đòi 27m$^2$ đất còn thiếu trong tổng số 160m$^2$ đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng anh Đ, chị T cũng chưa có căn cứ gì để cho rằng đất của anh, chị còn thiếu là nằm trong diện tích đất của anh D đang ở. Bởi vì đất của anh D đang ở cũng chưa có căn cứ để khẳng định là đất của bố mẹ đẻ đã cho; thực tế cũng chưa có việc cụ Tấn, cụ T tặng cho đất trên thực tại và trên giấy tờ. Do đó anh Đ, chị T không thể tặng cho anh D được. Như vậy việc đòi lại diện tích đất của anh Đ, chị T là không có căn cứ nên cấp sơ thẩm sử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình Đ đòi anh Nguyễn Đình D trả lại 27m$^2$ đất tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 diện tích 160m$^2$, địa chỉ thửa đất cụm 8, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội là có căn cứ.

2.2. Xét yêu cầu thẩm định lại diện tích anh Đ được cấp giấy quyền sử dụng đất ở vì theo hồ sơ Tòa án PT số diện tích anh Đ thiếu là 32 m$^2$ nhưng thực tế diện tích của anh Đ thiếu là 55 m$^2$.

Hội đồng xét xử xét thấy, như đã lập luận phân tích 2.1 ở trên trong vụ án này anh Nguyễn Đình Đ khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đình D trả lại 27m$^2$ đất tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 diện tích 160m$^2$, địa chỉ thửa đất cụm 8, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội mà anh Đ, chị T đã tặng cho anh Nguyễn Đình D nên việc kháng cáo của anh vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, anh Nguyễn Đình Đ có thể khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác khi có các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

2.3. Xét yêu cầu gia đình anh Nguyễn Đình D trả lại số diện tích đất ở mà nó thuộc quyền sở hữu của anh Đ mà diện tích đất này đã được nhà nước cấp giấy quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy, như đã lập luận phân tích 2.1 việc đòi lại diện tích đất của anh Đ, chị T là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình Đ là có căn cứ.

Như vậy phía nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm nên anh Nguyễn Đình Đ không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận đơn khởi kiện nên anh Đ phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch. Hoàn trả anh Đ số tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp. Hoàn trả anh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 722; Điều 723, Điều 724, Điều 725, Điều 726 của Bộ luật Dân sự năm 2005.
- Căn cứ vào Điều 49, Điều 50, Điều 51 của Luật đất đai năm 2003.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội.

*Xử :*

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Toà án nhân dân huyện PT và quyết định cụ thể như sau:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình Đ đòi anh Nguyễn Đình D trả lại 27m$^2$ đất tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 diện tích 160m$^2$, địa chỉ thửa đất cụm 8, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Đình D yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 44, diện tích 160 m$^2$ tại Cụn 8, thị trấn PT, thành phố Hà Nội; được Ủy ban nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2004, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01018 QSDĐ/581/QĐ.H.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Đình Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Đ 4.700.000 đ (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AK/2010/0005286 lập ngày 18/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT (Bút lục 23).

Hoàn trả anh Nguyễn Đình D 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AK/2010/0005426 ngày 30/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT (Bút lục 83).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Đình Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh Đ được hoàn trả 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AK/2010/0005669 lập ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT (bút lục 155).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7 a, Điều 7 b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *TAND huyện PT;*
- *Chi cục THADS huyện PT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu văn phòng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

**Đinh Như Lâm**